CTCP CIC39 (HSX: C32)

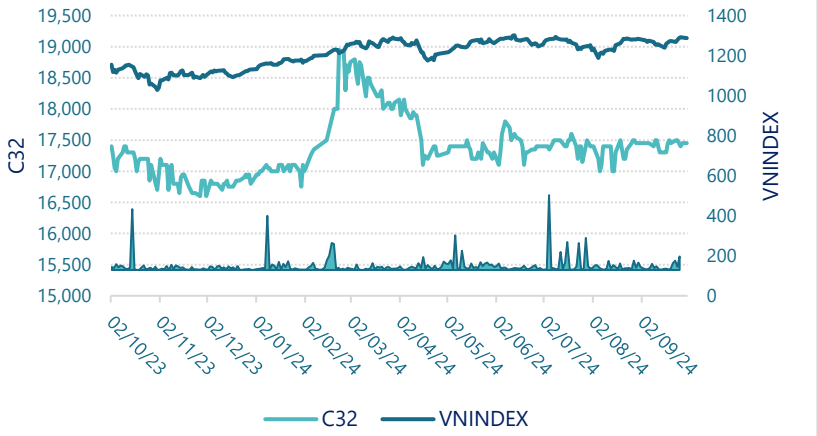

Thông tin giao dịch	30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**17,450**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	18,950
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	16,600
SL cổ phiếu LH	15,029,145
KLGD BQ 20 phiên (CP)	39,375
% sở hữu nước ngoài	1.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	262
P/E	547.7
EPS	32

DT thuần

Q3/24

122

tỷ VNĐ

QoQ: ▼69.0| -36.3%

YoY: ▼9.00| -7.1%

LN sau thuế

Q3/24

3.90

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.77| -31.1%

YoY: ▲ 0.97| 33.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/24

5.7%

+/- YoY: ▲ 0.6%

DT thuần

9T 2024

476

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 125| 35.5%

LN sau thuế

9T 2024

5.51

tỷ VNĐ

YoY: ▼1.19| -17.9%

ROE

Q3/24

0.1%

+/- YoY: ▼ 1.4%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

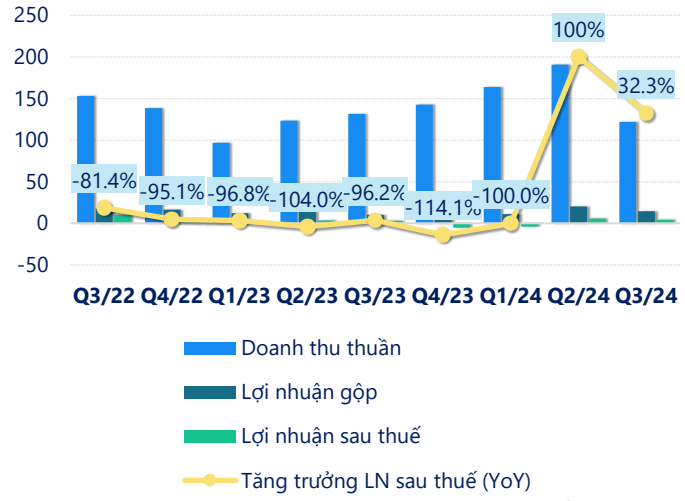

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

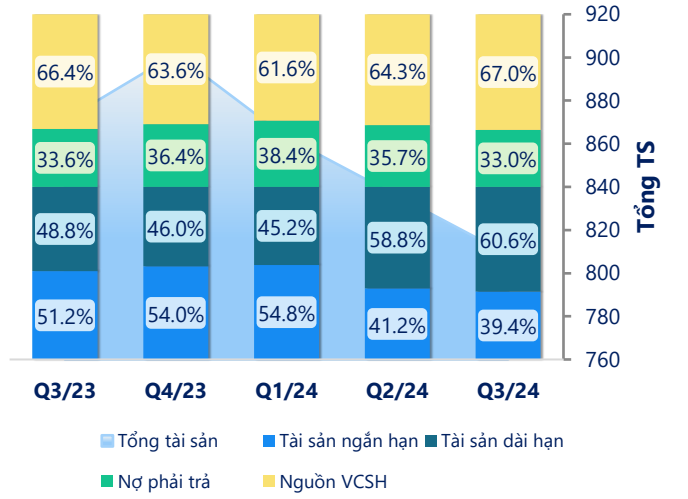

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

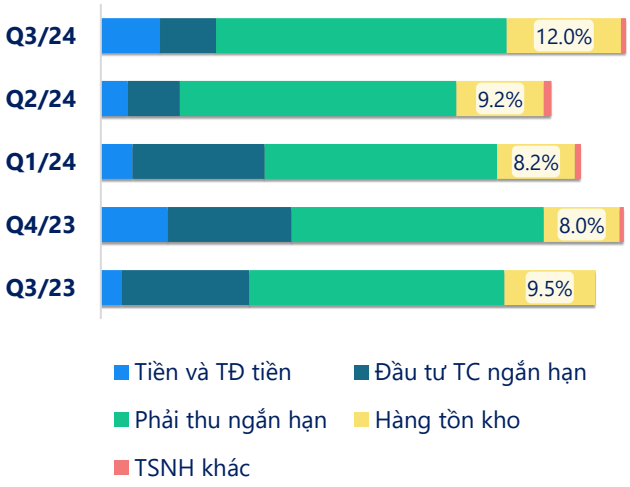

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

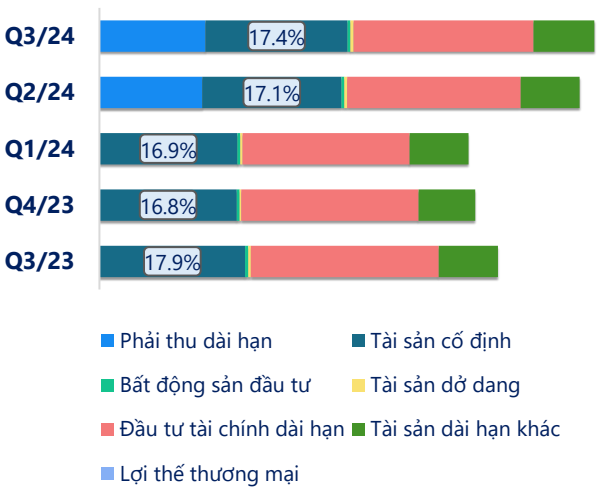

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

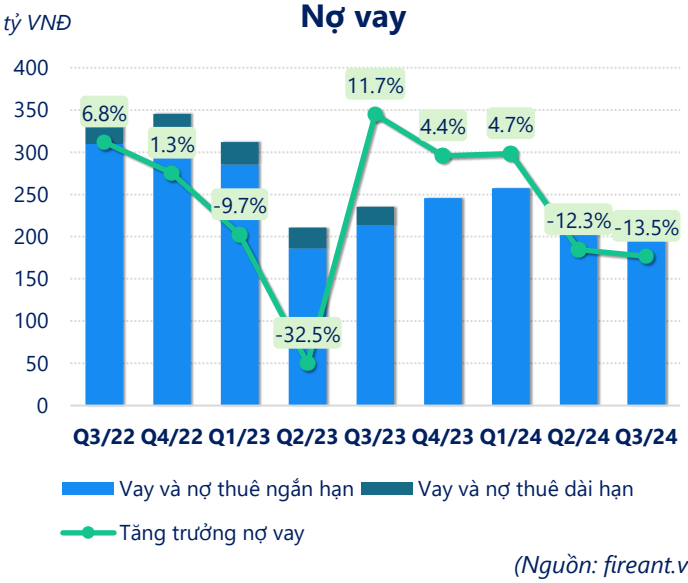

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

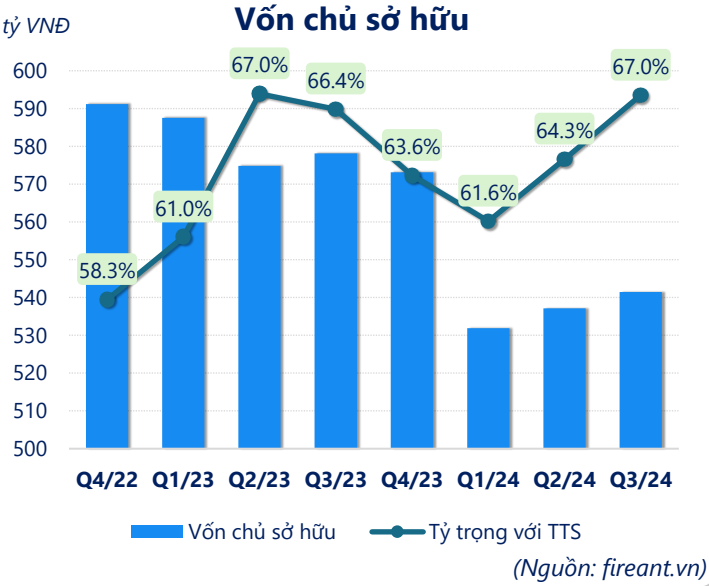

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

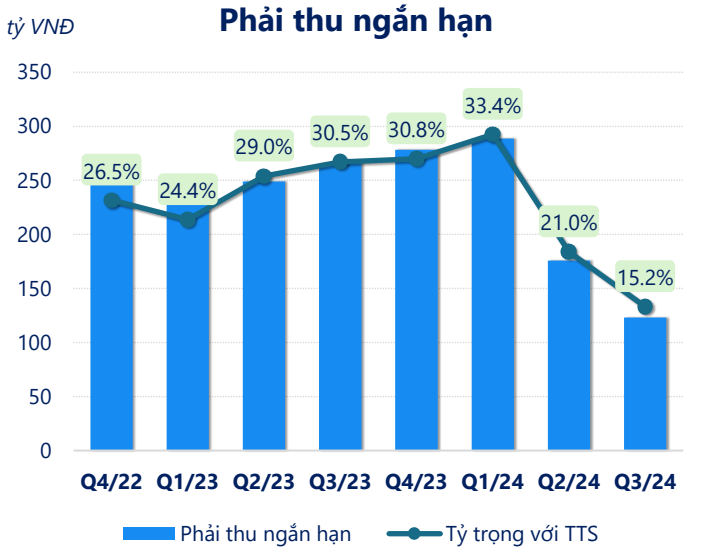

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

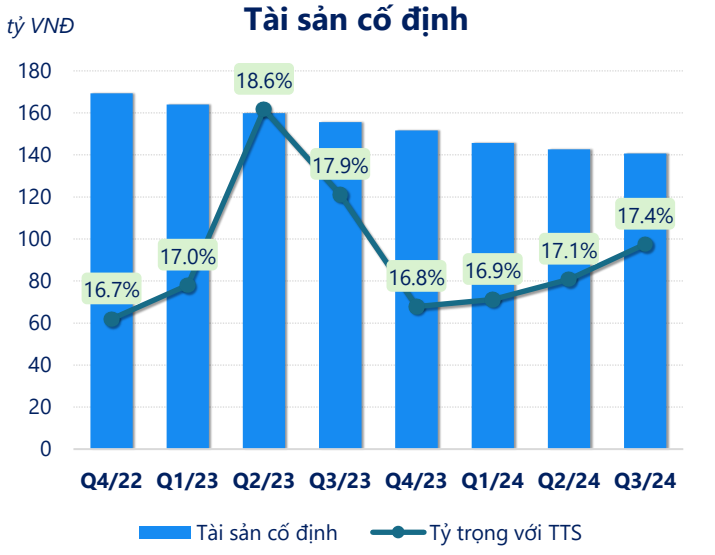

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

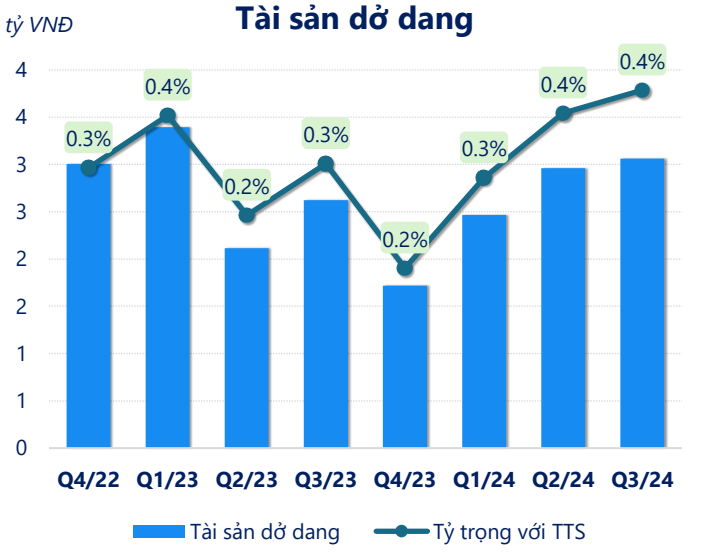

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

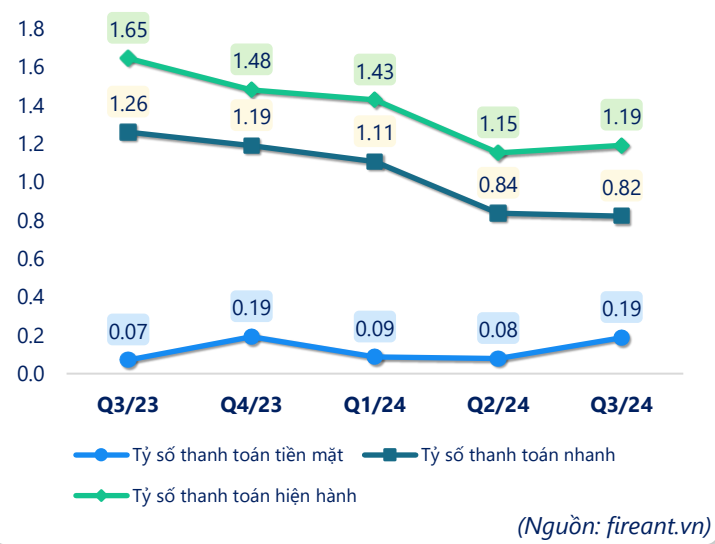

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

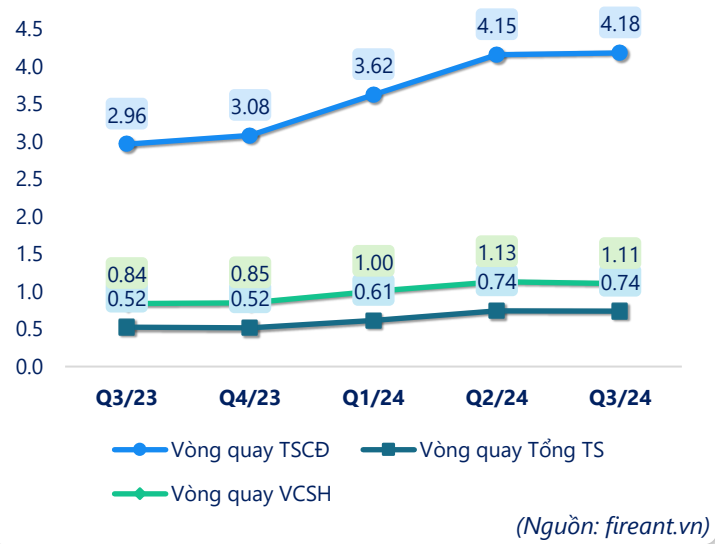

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	**871**	**902**	**863**	**836**	**809**
Tài sản ngắn hạn	**446**	**487**	**473**	**344**	**319**
Tiền và tương đương tiền	19.3	63.2	28.6	23.5	50.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	51.3	45.8	44.9	47.4	44.0
Phải thu ngắn hạn	266	278	289	176	123
Hàng tồn kho	104	95.7	107	94.2	98.9
Tài sản ngắn hạn khác	4.94	3.72	4.13	3.43	2.27
Tài sản dài hạn	**425**	**415**	**390**	**492**	**490**
Phải thu dài hạn	0	0	0	105	105
Tài sản cố định	156	152	146	143	141
Bất động sản đầu tư	3.39	3.28	3.18	3.08	2.98
Tài sản dở dang	2.62	1.72	2.47	2.96	3.06
Đầu tư tài chính dài hạn	200	196	177	177	178
Tài sản dài hạn khác	63.3	62.6	62.2	60.4	60.2
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**293**	**329**	**331**	**299**	**267**
Nợ ngắn hạn	**271**	**329**	**331**	**299**	**267**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	213	246	257	226	195
Phải trả người bán ngắn hạn	12.7	19.3	14.2	22.3	14.2
Nợ dài hạn	22.0	0	0	0.04	0
Vay và nợ thuê dài hạn	22.0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**578**	**573**	**532**	**537**	**541**
Vốn chủ sở hữu	**578**	**573**	**532**	**537**	**541**
Vốn điều lệ	150	150	150	150	150
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)